

Số: 2509/QĐ-UBND

An Giang, ngày 29 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc, phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung đô thị Tri Tôn,
huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang đến năm 2035**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ văn bản họp nhất số 48/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 của Văn phòng Quốc hội về Luật xây dựng;

Căn cứ xác thực Văn bản họp nhất số 07/VBHN-BXD ngày 22/11/2019 của Bộ Xây dựng về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01:2019/BXD về Quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 31/12/2019;

Căn cứ Quyết định số 2274/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh An Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và tổng dự toán chi phí lập đồ án Quy hoạch chung đô thị Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang đến năm 2035;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3669/TTr-SXD ngày 29 tháng 10 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang đến năm 2035, do Công ty TNHH Tư vấn Kiến trúc Xây dựng AB&C lập tháng 10 năm 2020, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung Quy hoạch chung đô thị Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang đến năm 2035.

2. Phạm vi, ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch:

Phạm vi nghiên cứu Quy hoạch chung đô thị Tri Tôn, huyện Tri Tôn đến năm 2035, được xác định trên cơ sở đảm bảo phát triển đô thị Tri Tôn là đô thị loại IV giai đoạn 2017- 2020, do đó phạm vi nghiên cứu bao gồm toàn bộ địa giới hành chính hiện hữu của thị trấn Tri Tôn, xã Châu Lăng và xã Núi Tô. Ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp xã An Hảo, xã Lê Trì;
- Phía Nam giáp đô thị Cô Tô, xã Ô Lâm;
- Phía Đông giáp xã Tà Đảnh;
- Phía Tây giáp xã Lương Phi, xã An Túc.

3. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa những định hướng phát triển của quy hoạch vùng tỉnh An Giang, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Tri Tôn; tạo tiền đề nâng loại đô thị Tri Tôn đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV.

- Xây dựng đô thị Tri Tôn theo hướng bền vững, hòa nhập với môi trường sinh thái hiện hữu, tạo dựng những giá trị cảnh quan đặc trưng; Chú trọng phát triển các lợi thế tự nhiên vùng núi và đồng bằng, kết hợp khai thác du lịch sinh thái với nông nghiệp; thiết lập các không gian mở, khai thác cảnh quan sông núi, kênh rạch. Định hướng phát triển không gian, cơ sở hạ tầng kỹ thuật – hạ tầng xã hội và đề xuất các khu chức năng đô thị hợp lý, tạo quỹ đất cho phát triển đô thị. Định hướng tổ chức, quản lý và bảo vệ môi trường đô thị một cách hiệu quả. Khai thác tốt các thế mạnh sẵn có nhằm tăng cường và phát triển các ngành công nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, du lịch, thương mại và kinh tế biên giới. Giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

- Làm cơ sở để các tổ chức, đơn vị triển khai lập các dự án đầu tư xây dựng và là pháp lý để chính quyền các cấp quản lý, kiểm soát các hoạt động đầu tư xây dựng phát triển đô thị theo quy hoạch được duyệt. Tạo cơ hội thuận lợi cho các chương trình phát triển, các dự án đầu tư, sử dụng hợp lý các nguồn lực đảm bảo phát triển ổn định.

4. Tính chất:

- Là đô thị loại IV; là Trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội huyện Tri Tôn;

- Là trung tâm phát triển thương mại, dịch vụ du lịch, dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao đầu mối giao thông, công nghiệp điện sinh khối, vật liệu xây dựng của huyện có vai trò thúc đẩy sự phát triển vùng phía Tây tỉnh An Giang.

5. Các chỉ tiêu và dự báo phát triển:

5.1. Quy mô dân số:

- Năm 2025 : dân số toàn đô thị khoảng 40.600 người
- Năm 2035 : dân số toàn đô thị khoảng 45.300 người

5.2. Quy mô đất đai:

Quy mô đất đai bao gồm toàn diện tích thị trấn Tri Tôn, xã Núi Tô và xã Châu Lãng là 7.327ha, trong đó:

- Đến năm 2025: Đất xây dựng đô thị khoảng 575 ha, chỉ tiêu 141 m²/người.
- Đến năm 2035: Đất xây dựng đô thị khoảng 648 ha, chỉ tiêu 143 m²/người.

6. Định hướng phát triển không gian – thiết kế đô thị tổng thể:

6.1. Hệ thống sinh thái cảnh quan – không gian mở công cộng đô thị: Các giá trị cảnh quan sinh thái chính bao gồm:

- *Cảnh quan mặt nước:* Kênh Mặ Cần Dung, Kênh Cây Me, kênh Tám Ngàn, hồ cảnh quan, hệ thống kênh, rạch, mương, kênh tưới, kênh tiêu cho nông nghiệp, mặt nước nuôi trồng thủy sản. Khai thác cảnh quan mặt nước để tổ chức các khu đô thị gắn với môi trường;

- *Các vùng sản xuất nông nghiệp:* Hình thành các không gian mở, cấu trúc xanh trong khu vực nông nghiệp. Kết nối giữa không gian mặt nước và không gian nông nghiệp bố trí các điểm trung chuyển, điểm dừng chân và các điểm dịch vụ.

- *Các không gian mở trong đô thị* (công viên, vườn hoa, sân chơi, quảng trường, mặt nước công cộng...): Bổ sung các không gian mở đáp ứng nhu cầu cần thiết của người dân, nâng cao chất lượng môi trường sống. Hình thành các trung tâm đô thị gắn với cảnh quan, thân thiện với con người.

- *Khu vực dự trữ phát triển các chức năng đô thị:* Duy trì sản xuất nông nghiệp khi chưa có nhu cầu phát triển đất xây dựng đô thị. Phát triển đô thị mới tập trung thành cụm thuận lợi hoàn thiện hạ tầng. Chuyển đổi một số không gian nông nghiệp thành không gian vườn trồng cây ăn trái, kết hợp với công viên đô thị hợp lý với cấu trúc phát triển đô thị.

6.2. Tổ chức hệ thống trung tâm đô thị

Tổ chức và hoàn thiện hệ thống trung tâm đô thị gắn với hệ thống cảnh quan công cộng, tạo trọng tâm phát triển đô thị. Các khu trung tâm đô thị được bố trí tại các vị trí có bán kính phục vụ phù hợp đến các khu vực tập trung dân cư, thuận lợi về giao thông, nơi hội tụ của các luồng hoạt động trong đô thị và gắn với không gian cây xanh mặt nước, tạo ra hệ thống trung tâm đô thị có bản sắc, đặc biệt là đối với đô thị vùng núi và đồng bằng.

Các khu vực trung tâm đô thị dùng giải pháp tận dụng các lợi thế tự nhiên vùng núi và đồng bằng, kết hợp khai thác du lịch sinh thái với nông nghiệp, thiết lập các không gian mở, khai thác cảnh quan sông núi, kênh rạch nhằm tăng cường và phát triển các ngành công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch, thương mại và kinh tế biên giới.

6.3. Các tuyến – trục cảnh quan chính, điểm nhấn trong đô thị:

- Điều chỉnh và nối dài đường Nguyễn Thị Minh Khai theo 2 hướng gồm:
 - + Hướng Bắc kết nối đường Điện Biên Phủ phát triển khu vực dọc theo kênh Tám Ngàn;

+ Hướng Nam kết nối đường số 5, phát triển khu du lịch Suối Vàng theo đường số 7 và kết nối đường tỉnh ĐT 945 đi Hòn Đất.

- Xây dựng cầu qua kênh Tám Ngàn nối đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đến đường tỉnh 955B để kết nối và phát triển đô thị khu vực phía Bắc.

- Xây dựng tuyến tránh kết nối đường Nguyễn Văn Cừ và Cầu qua kênh Mặc Cần Dung về phía Bắc nối đường tỉnh 948 tại khu vực chùa Long Định.

- Bố trí 01 cụm công nghiệp điện sinh khối quy mô 60ha khu vực cửa ngõ phía Đông đô thị cấp phía Nam đường tỉnh 941 từ cầu 13 đến cầu 15.

- Bố trí khu công nghiệp quy mô khoảng 200ha (giai đoạn đầu xây dựng công nghiệp điện sinh khối khoảng 52ha), phía Bắc kênh Mặc Cần Dung thuộc xã Châu Lăng làm động lực phát triển công nghiệp.

- Phát triển thương mại dịch vụ du lịch là ưu thế lớn của đô thị Tri Tôn gồm: du lịch tâm linh, mạo hiểm, nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, lễ hội, cảnh quan, ẩm thực văn hóa bản địa, nông nghiệp trải nghiệm, nông nghiệp công nghệ cao, làng nghề...

- Quy hoạch các trục đường để kết nối các điểm tham quan du lịch thuận tiện.

7. Định hướng quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng

Cải tạo, bổ sung các công trình công cộng cấp đô thị, quy hoạch quỹ đất dự trữ xây dựng trung tâm hành chính và các công trình công cộng phục vụ chung toàn đô thị trong tương lai hoặc phục vụ chung cho toàn khu vực quy hoạch và vùng phụ cận. Cụ thể:

7.1. Khu ở:

7.1.1. *Khu cải tạo xây chen*: ký hiệu O-1.1, O-1.2,..., O-2.1,..O-3.1..., diện tích 247ha, chủ yếu các khu ở hiện hữu tại trung tâm thị trấn Tri Tôn, trung tâm xã các trục giao thông, Phum Sóc người Khmer diện tích 121,5ha,

7.1.2. *Khu ở mới phát triển*: ký hiệu O-1.1.1,..., O-2.2.2,..., diện tích 43ha, chủ yếu phát triển về phía Đông Khu Hành chính mới và trục đường Hùng Vương, các khu đất có tiềm năng phát triển theo các chức năng trọng yếu của đô thị.

7.2. Cơ quan, công sở:

- Bố trí trung tâm hành chính mới về phía Đông, lấy ngã ba sông là khu vực cảnh quan. Bố trí các cơ quan hành chính bao gồm các cơ quan hành chính cấp Huyện (Khu liên cơ quan của Huyện, Ban quản lý dự án, các cơ quan chuyên ngành...) và các cơ quan hành chính của Thị trấn và xã hiện hữu... từng bước đầu tư xây dựng khu hành chính mới để chuyển đổi khu hành chính hiện hữu cho các cơ quan khác nhằm đảm bảo quy mô diện tích sử dụng và hoàn thiện hệ thống các cơ quan trên cơ sở cải tạo, nâng cấp và chỉnh trang phát triển đô thị.

- Tổng diện tích đất cơ quan khoảng 13,7ha.

7.3. Công trình giáo dục - đào tạo:

- Chức năng giáo dục cơ sở hiện có tương đối đồng bộ chỉ cần nâng cấp đạt chuẩn Quốc gia và hiện đại hóa để hoàn chỉnh, gồm: Trường THPT Nguyễn Trung Trực, Trường PTTH Dân tộc nội trú, Trường trung cấp nghề dân tộc nội trú, Trường THCS Tri Tôn, Châu Lăng, Núi Tô, hệ thống tiểu học, Mẫu giáo Mầm non (*Riêng trường mầm non và tiểu học Châu Lăng phải tăng diện tích đất để đạt chuẩn*).

- Bên cạnh các công trình công cộng cấp đô thị, ở các đơn vị ở, hệ thống công trình công cộng cũng được mở rộng, nâng cấp và bổ sung thêm các điểm trường mẫu giáo, tiểu học, THCS phù hợp với nhu cầu thực tế phát sinh của đô thị.

- Tổng nhu cầu đất dành cho giáo dục khoảng 18,02 ha.

7.4. Công trình y tế, chăm sóc sức khỏe:

- Cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang các công trình y tế, chăm sóc sức khỏe, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa Tri Tôn từ 140 giường lên 200 giường đảm bảo tiêu chuẩn 5 giường/1000 dân.

- Diện tích đất Y tế khoảng 4,06 ha.

7.5. Công trình văn hóa – TDTT và cây xanh:

- Đã có nhà văn hóa thiếu nhi đạt chuẩn; bố trí thêm nhà thi đấu ở đường Nguyễn Thị Minh Khai, sân vận động kết hợp liên hợp thể dục thể thao (Công trình văn hóa thể thao huyện), theo tuyến 30 tháng 4 Tà Pạ- Soài Chék.

- Bổ sung các điểm trung tâm thể dục thể thao, được bố trí có tiếp cận từ các tuyến đường chính. Bố trí các điểm nhà văn hóa đáp ứng nhu cầu thực tế của địa phương.

- Mở dãy cây xanh kết hợp phố chợ đêm từ công viên trước Ủy ban huyện hiện hữu đến hết khu Sao Mai làm khu dịch vụ du lịch.

- Diện tích đất công trình văn hóa – TDTT và cây xanh khoảng 40,97 ha.

7.6. Công trình an ninh:

Công an huyện tập trung bố trí tại khu vực Cục an ninh Tây Nam Bộ (diện tích khoảng 3 ha).

7.7. Thương mại - dịch vụ:

- Trung tâm thương mại: Di dời chợ Tri Tôn hiện hữu về chợ Sao Mai còn chợ cũ xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại khu vực.

- Cải tạo và nâng cấp chợ Châu Lăng tại vị trí hiện hữu;

- Tổ chức, bổ sung và hoàn thiện hệ thống trung tâm đô thị đa chức năng (các khu đô thị hoặc tuyến phố trung tâm) gắn với các không gian cảnh quan cây xanh mặt nước công cộng, với chức năng chính là dịch vụ (có thể tổ chức tại các lô đất ở).

- Khuyến khích phát triển các loại hình thương mại kết hợp ở lô phố trên các tuyến đường chính.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế cùng tham gia thương mại vào các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế, mở rộng giao lưu hàng hóa, phát triển thị trường nông thôn.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện dụng trên địa bàn.

- Diện tích đất Thương mại - dịch vụ khoảng 8,3 ha.

7.8. Dịch vụ du lịch:

- Khu du lịch Suối Vàng: Diện tích khoảng 60ha. Là trung tâm du lịch đa chức năng. Khi triển khai quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực này phải có ý kiến thống nhất của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và Bộ Tư lệnh quân khu 9 (văn bản số 1644/BCH-TM ngày 14/8/2020 của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh An Giang).

- Khu du lịch Soài Chék: Diện tích 15ha, bố trí khu tắm khoáng phục hồi sức khỏe, du lịch mạo hiểm máng trượt, du lịch thư giãn mặt nước: Canô, câu cá kết hợp lễ hội đua bò đua khi, lễ hội dân gian xiếc thú, cá sấu...).

- Khu đua bò bổ sung các loại hình dịch vụ du lịch đa dạng như trại cá sấu và xiếc cá sấu, thể thao vận động, lễ hội hàng tuần để phục vụ du khách hằng ngày, nhất là vào cuối tuần.

- Khu du lịch nhà vườn bố trí phía chân ruộng cặp đường từ chùa Tà Pạ đến khu lễ hội đua bò, không ảnh hưởng rừng phòng hộ, diện tích khoảng 10ha.

- Khu du lịch Tà Pạ: Du lịch cảnh quan hồ, bổ sung vườn hoa tình yêu và các dịch vụ phục vụ hình cưới, ngắm cảnh,... diện tích khoảng 12ha.

- Tuyến du lịch theo đường Tỉnh 959 với cảnh quan đặc thù: Bên phải làng dân tộc và rừng Tâm Vòng bố trí làng nghề sản xuất bán hàng từ vật liệu đan lát, phía trái là rừng Sao, cảnh quan bố trí các trung tâm thư giãn dừng chân trước khi tiếp tục đến khu du lịch Túc Dụp theo đường Tỉnh 959.

- Bố trí đường vòng núi Năm Pi (*một phần nâng cấp đường và khu Latina có sẵn*) với làng nghề gốm truyền thống, làng đá mỹ nghệ (*khu khai thác đá Latina*) kết hợp tham quan làng dân tộc (*3 chùa: Năm Pi đầu, Năm Pi giữa, Năm Pi cuối*) và thưởng thức ẩm thực bản địa (*như: Đu đủ dâm, đặc sản từ nguyên liệu Thốt Nốt,...*) và nhà máy điện năng lượng mặt trời của Công ty Sao Mai.

- Khu dịch vụ du lịch: Các dịch vụ phục vụ du khách nhất là về đêm bố trí phía Tây Bắc kết hợp công viên quảng trường và cảnh quan sông nước (kênh Cây Me – kênh Tri Tôn).

- Mở dãy cây xanh kết hợp phố chợ đêm từ công viên trước Ủy ban huyện hiện hữu đến khu Sao Mai làm khu dịch vụ du lịch.

7.9. Công nghiệp – TTCN:

- Bố trí 01 cụm công nghiệp điện sinh khối quy mô 60ha khu vực cửa ngõ phía Đông đô thị cặp phía Nam đường tỉnh 941 gần kênh 13

- Bố trí khu công nghiệp quy mô khoảng 200ha (giai đoạn đầu xây dựng công nghiệp điện sinh khối khoảng 52ha), phía Bắc kênh Mạc Cần Dung thuộc xã Châu Lăng làm động lực phát triển công nghiệp.

- Bố trí làng nghề truyền thống khu vực phía Bắc Núi Năm Pi, quy mô khoảng 03 ha.

- Các cơ sở sản xuất qui mô nhỏ: vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng, chế biến hàng nông sản thực phẩm, gia công cơ khí phục vụ nông nghiệp, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủ công mỹ nghệ, sản phẩm du lịch phục vụ du khách bố trí ở phía Tây (cặp kênh Tám Ngàn, đường Tỉnh 955A, đường Tỉnh 949,...) thuận tiện giao thông thủy bộ.

7.10. Nông lâm thủy sản: Diện tích 4.839,56 ha

- Nông nghiệp công nghệ cao: Bố trí cặp tuyến đường Tỉnh 943 và ĐT.948.

- Nông nghiệp trải nghiệm: Bố trí sản xuất cây đặc sản giá trị cao như: cây có múi, xoài,...kết hợp nông nghiệp trải nghiệm phía núi Tô, hồ Soài Chék và núi Tà Pạ. Các hộ hợp tác xã chế biến đặc sản vùng miền phục vụ du khách.

- Vùng nông nghiệp hỗn hợp, chăn nuôi tập trung và sản xuất rau sạch cung cấp cho dân đô thị phía Bắc cặp ĐT.955B, cặp ĐT.949 là vùng đất cao không ngập.

- Vùng đất thấp còn lại chủ yếu sản xuất lúa đặc sản để xây dựng thương hiệu có giá bán cao trên thị trường.

- Chuyển đổi hợp lý cơ cấu cây trồng để nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, khuyến khích phát triển dịch vụ du lịch sinh thái. Phát huy và nâng cao mô hình nông nghiệp công nghệ cao.

7.11. Hạ tầng kỹ thuật đầu mối:

- *Bến xe*: Di dời bố trí bến xe quy mô khoảng 2ha tại vị trí ngã ba đường Hùng Vương và đường cặp kênh 16, thuận tiện kết nối các trục đường chính.

- *Xử lý nước thải*: Bố trí khu xử lý nước thải tập trung khu vực cửa ngõ phía Tây đô thị, cặp kênh An Túc, quy mô khoảng 1ha, tổng công suất trạm dự kiến khoảng 6.500 m³/ngày.đêm.

BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT

ST T	TÊN LOẠI ĐẤT	NĂM 2025 (40.600 DÂN)			NĂM 2035 (45.300 DÂN)		
		Tiêu chuẩn m ² /người	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Tiêu chuẩn m ² /người	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ	132	535	7,30	149	675	9,21
I	Đất dân dụng	90	365,00	68,22	98	445,00	65,93
	Đất đơn vị ở		260,00			290,00	
	Đất công trình công cộng		4,60			14,10	
	Đất giáo dục		14,82			14,82	
	Đất thương mại dịch vụ		1,70			12,20	
	Đất công viên cây xanh - Quảng trường- Văn Hóa - TDTT		18,97			40,97	
	Đất giao thông nội thị		64,91			72,91	
II	Đất ngoài dân dụng	42	170,00	31,78	51	230,00	34,07
	Đất Trung tâm bồi dưỡng chính trị		0,48			0,48	
	Đất Trường trung cấp nghề dân tộc nội trú		3,20			3,20	
	Đất Y tế		4,06			4,06	
	Đất Tôn giáo		35,21			35,21	
	Đất Quân sự		3,69			3,69	
	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật		2,00			3,00	
	Đất công nghiệp điện sinh khối		60,00			112,00	
	Đất giao thông đối ngoại - Bến xe		61,36			68,36	
B	ĐẤT KHÁC		6.792	92,70		6.652	90,79
	Vùng nông nghiệp trải nghiệm (vườn cây ăn trái)		280,00			280,00	
	Vùng trồng lúa đặc sản		4.081,36			3.927,36	
	Vùng nông nghiệp công nghệ cao		60,00			60,00	
	Vùng nông nghiệp hỗn hợp		572,00			572,00	
	Vùng trồng cây công nghiệp (tre, tầm vông, sao...)		94,00			94,00	
	Hồ trữ nước kết hợp du lịch hồ Soài Check		60,00			60,00	
	Thương mại dịch vụ du lịch		97,00			97,00	
	Khu khai thác đá Antraco		30,00			30,00	
	Đất nghĩa trang liệt sĩ		2,82			2,82	
	Đất nghĩa địa		5,14			5,14	
	Đất làng nghề		3,00			3,00	

Đất lâm nghiệp, rừng phòng hộ		738,34			738,34	
Đất sông, Rạch, mặt nước		91,07			91,07	
Đất dự trữ phát triển đô thị		226,50			240,50	
Đất chưa sử dụng		302,77			302,77	
Đất dự trữ xây dựng KCN & điện sinh khối		148,00			148,00	
TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		7.327	100		7.327	100

8. Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị:

8.1. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật:

a) Quy hoạch san nền:

- Đô thị Tri Tôn thuộc huyện miền núi nên chỉ nâng nền ở các vùng đất thấp. Các triền núi tận dụng đất cao để xây dựng theo địa hình hoặc san ủi cục bộ, nếu công trình cần quy mô bằng phẳng diện tích lớn cần khảo sát để thiết kế cân bằng đào đắp hợp lý, tiết kiệm, bảo tồn cảnh quan;

- Mực nước lũ cao nhất khu vực từ +2,60m ÷ + 3,00m do đó từng khu vực phải nâng nền thống nhất +3,0m (phía Nam) và +3,4m (phía Bắc);

- Đối với khu trung tâm hành chính Tri Tôn mới sẽ tiến hành san lấp hoàn thiện nền công trình tới cao độ không chế $\geq +3,6m$;

- Đối với các công trình công cộng, thương mại dịch vụ du lịch và dân cư cấp chân núi lấp theo cao độ hiện trạng (đã vượt lũ).

b) Thoát nước mưa:

- Do đặc điểm khu vực quy hoạch có hệ thống kênh rạch tiếp giáp và phân bố toàn khu như: kênh Tri Tôn, kênh Tám Ngàn, kênh Mặc Cần Dung, kênh Cây Me, kênh Soài So, kênh 13.

- Các khu vực xây dựng mới phải quy hoạch hệ thống thoát nước thải riêng. Các khu vực hiện hữu đã có mạng lưới thoát nước chung phải quy hoạch hệ thống thoát nước nửa riêng hoặc cải tạo thành hệ thống thoát nước riêng.

c) Thoát nước lũ núi:

- Các hồ nhân tạo như Soài Check, Soài So,...có hệ thống xả tràn ra mương tự nhiên dẫn về kênh Soài So.

- Các vùng chân núi: Xây mương nối cặp đường ven chân núi thu nước và đưa về các kênh tưới tiêu gần nhất dẫn về kênh chính như: kênh Tám Ngàn, kênh Tri Tôn.

8.2. Định hướng phát triển hệ thống giao thông:

a) Giao thông đối ngoại:

- Đường tránh, đường tỉnh 943, đường tỉnh 948, đường tỉnh 949, đường tỉnh 959, đường tỉnh 955B có lộ giới 29m (ngoại trừ đoạn trong đô thị nằm trong phần giao thông đối nội có chi tiết lộ giới cụ thể).

- Đường tỉnh 941 có lộ giới quy định theo Quyết định số: 51/2018/QĐ-UBND ngày 06/12/2018 của UBND tỉnh An Giang ban hành quy định quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Giao thông đối nội:

- Đường chính khu vực: Đường 3 tháng 2, đường Trần Hưng Đạo, đường Nguyễn Thị Minh Khai, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có lộ giới từ 24m ÷ 26m.

- Đường khu vực: Đường Trần Phú, đường Ngô Quyền, đường Nguyễn Trãi, đường số 1, đường số 2,4,5,6,7,8 có lộ giới từ 19÷20,5m.

- Đường phân khu vực và đường nội bộ: Đường 30 tháng 4, đường Nguyễn Văn Cừ, đường Thái Quốc Hùng, đường Điện Biên Phủ, đường Lê Thánh Tôn, đường Lê Văn Tám, đường Cách mạng tháng 8, đường Lê Lợi, đường bờ bắc kênh Tám Ngàn, đường số 3 có lộ giới từ 12m÷15m.

c) *Bến xe*: Bố trí bến xe quy mô khoảng 2ha tại vị trí ngã ba đường Hùng Vương và đường cặp kênh 16 và bên phía Bắc hiện hữu thuộc Châu Lăng.

d) *Giao thông thủy*:

Đảm bảo hành lang an toàn đường thủy trên các tuyến kênh trục chính như: kênh Tri Tôn, kênh Tám Ngàn, kênh Mặc Cần Dung, kênh Cây Me, kênh Soài So.

Bảng thống kê các tuyến đường giao thông chính

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	MẶT CẮT (m)	DIỆN TÍCH (HA)			LỘ GIỚI (m)	KHOẢNG LÙI (m)
				LỀ	LÒNG	LỀ		
I	Giao thông đối ngoại:							
1	Tuyến tránh	5.165	3-3	1	7	1	29	10 - 10
2	Đường Tỉnh 943	3.085	1-1	3	9	3	29	7 - 7
3	Đường Tỉnh 948	3.920	1-1	3	9	3	29	7 - 7
4	Đường Tỉnh 949	4.900	1-1	3	9	3	29	7 - 7
5	Đường Tỉnh 959	2.800	1-1	3	9	3	29	7 - 7
6	Đường Tỉnh 955B	4.670	1-1	3	9	3	29	7 - 7
7	Đường Tỉnh 941	2.300	4-4	3	9	3	>23	8 - >0
II	Giao thông đối nội:							
8	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1.360	2-2	4	7-2-7	4	24	
	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (nối dài)	2.450	2a-2a	5	7-2-7	5	26	
9	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	6.580	7-7	5	14	5	24	
10	Đường Trần Hưng Đạo							
	- Đoạn từ đường 30/4 đến ngã ba Lê Văn Tám	344	6-6	6	12	6	24	
	- Đoạn từ ngã ba Lê Văn Tám đến cầu Cây Me	1.416	11-11	3	7,5	3	13,5	
11	Đường Hùng Vương							
	- Đoạn từ cầu số 16 đến đường 3/2	840	2-2	4	7-2-7	4	24	
	- Đoạn từ đường 3/2 đến đường Trần Hưng Đạo	350	9-9	5	9	5	19	
12	Đường Trần Phú	1.570	9-9	5	9	5	19	
13	Đường Ngô Quyền	240	9-9	5	9	5	19	
14	Đường 3 tháng 2	957	6-6	6	12	6	24	
15	Đường 30 tháng 4	2.560	10-10	3,5	7	3,5	14	
16	Đường Nguyễn Văn Cừ	1.140	10-10	3,5	7	3,5	14	
17	Đường Thái Quốc Hùng	555	11-11	3	7,5	3	13,5	
18	Đường Nguyễn Trãi							
	- Đoạn từ đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đến đường Trần Phú	720	8-8	5	10,5	5	20,5	
	- Đoạn từ đường Trần Phú đến đường Lê Lợi	195	13-13	3,5	6	3,5	13	
19	Đường Điện Biên Phủ	4.120	5-5	2,5	7	2,5	12	

20	Đường Lê Thánh Tôn	1.420	11-11	3	7,5	3	13,5	
21	Đường Lê Văn Tám	636	11-11	3	7,5	3	13,5	
22	Đường Cách mạng tháng 8	567	14-14	3	6	3	12	
23	Đường Lê Lợi	292	14-14	3	6	6	12	
24	Đường bờ Bắc kênh Tám Ngàn	6.320	5-5	2,5	7	2,5	12	
25	Đường số 1	2.090	9-9	5	9	5	19	
26	Đường số 2	780	9-9	5	9	5	19	
27	Đường số 3	450	12-12	4	7	4	15	
28	Đường số 4, 5, 6, 7, 8	13.930	9-9	5	9	5	19	

Các đường không có trong bảng này đã được quy định trong các đồ án Quy hoạch chi tiết được duyệt

8.3. Định hướng cấp điện:

a) Nguồn điện:

Nguồn cấp lấy từ trạm hạ thế 110KV/22 Tri Tôn (gần cầu Cây Me) cung cấp cho toàn đô thị Tri Tôn theo tuyến trung thế cáp đường tỉnh 943, đường tỉnh 948, đường tỉnh 949, đường tỉnh 959, đường tỉnh 955B, đường tỉnh 941,... và các đường chính của đô thị như: Đường Nguyễn Thị Minh Khai, đường Nguyễn Trãi, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, đường Trần Hưng Đạo, đường Hùng Vương, đường 3/2,... đảm bảo cung cấp cho toàn đô thị.

b) Lưới điện:

- *Lưới điện cao thế:* Cần đảm bảo hành lang an toàn cho các tuyến điện 220kV, 110kV cắt ngang qua khu vực nghiên cứu theo quy định hiện hành.

- *Lưới điện trung thế:* thiết kế mạch vòng, vận hành hở. Giai đoạn đầu tiếp tục sử dụng các tuyến trung thế hiện có, sau khi đã duy tu bảo dưỡng. Giai đoạn dài hạn, khi đã hình thành các khu chức năng sử dụng đất quy hoạch cần có kế hoạch xây dựng thêm các tuyến 22kV, kết nối mạch vòng để cấp điện cho các phụ tải trong khu vực.

- *Lưới điện hạ thế:* thiết kế hình tia, riêng các phụ tải tại khu vực trung tâm có yêu cầu đặc biệt thì thiết kế mạch vòng. Hệ thống điện hạ thế sử dụng cấp điện áp 380/220V ba pha 4 dây trung tính nối đất trực tiếp.

- *Lưới chiếu sáng đường:* Tất cả các tuyến đường chính, đường vực, đường nội bộ đều cần có hệ thống chiếu sáng công cộng đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế, không gây ô nhiễm ánh sáng. Ưu tiên, khuyến khích phát triển các loại đèn và hệ thống điều khiển chiếu sáng tập trung, tiết kiệm năng lượng. Khuyến khích xây dựng hệ thống chiếu sáng dùng năng lượng mặt trời để tăng tính sinh thái bền vững.

- *Trạm hạ thế:* Tiếp tục phát triển thêm các trạm biến áp tiêu thụ để đáp ứng phụ tải của khu vực. Các trạm 22/0,4KV khu vực trung tâm dùng trạm xây hoặc trạm kios, các khu vực khác phân tán hoặc công nghiệp có thể dùng trạm treo. Bán kính cấp điện của mỗi trạm lưới < 300m.

8.4. Định hướng cấp nước:

a) Nguồn cấp:

- Nhà máy nước tại cầu 15 (hiện trạng là 2.000m³/ngày.đêm). Theo kế hoạch Công ty Điện nước sẽ mở rộng nâng cấp thêm 5.000m³/ngày.đêm; Nhà máy nước cầu Cây Me (hiện trạng 500m³/ngày.đêm) thêm 500m³/ngày.đêm. Tổng công suất 02 nhà máy là 8.000m³/ngày.đêm, đảm bảo cho yêu cầu sử dụng nước sinh hoạt và nước dự phòng cho phòng cháy chữa cháy.

- Cấp nước công nghiệp sẽ bố trí riêng trong Khu công nghiệp theo nhu cầu sử dụng của dự án hoặc dự án công nghiệp. Hợp đồng với Công ty điện nước để có kế hoạch nâng công suất Nhà máy cầu 15.

- Tổng nhu cầu cấp nước đến năm 2035 khoảng QSH = 12.000m³/ngày.đêm.

b) Quy hoạch mạng lưới cấp nước:

- Tiếp tục sử dụng hệ thống mạng lưới cấp nước hiện có và nâng cấp đủ công suất cấp nước sinh hoạt cho toàn đô thị, dần thay thế các tuyến ống cấp nước bị xuống cấp, nâng cao hiệu quả quản lý tỷ lệ thất thoát.

- Xây dựng phát triển mới hệ thống đường ống chuyên tải cấp I, II từ nhà máy nước tập trung đi trên các tuyến đường chính tạo thành một hệ thống mạch vòng chính đảm bảo cấp nước liên tục cho toàn đô thị.

- Các khu vực đất cao cần bố trí các trạm tăng áp đảm bảo áp lực nước cấp.

c) Hệ thống cấp nước chữa cháy:

- Lưu lượng cấp nước chữa cháy q=20 l/s cho 1 đám cháy trong 3 giờ, số đám cháy xảy ra đồng thời 1 lúc là 3 đám cháy (theo TCVN 2622 – 1995).

- Dựa vào hệ thống cấp nước chính của khu quy hoạch bố trí hòng lấy nước chữa cháy đặt cách nhau 150m.

- Ngoài ra khi có sự cố cháy cần bổ sung thêm nguồn nước mặt của các kênh, hồ gần nhất để chữa cháy.

8.5. Định hướng thoát nước thải – Quản lý chất rắn, nghĩa trang:

a. Nước thải sinh hoạt:

- Nước thải được thu gom xử lý 90% nước cấp sinh hoạt.

- Các khu vực xây dựng mới phải quy hoạch hệ thống thoát nước thải riêng. Các khu vực hiện hữu đã có mạng lưới thoát nước chung phải quy hoạch hệ thống thoát nước nữa riêng hoặc cải tạo thành hệ thống thoát nước riêng;

- Nước thải phát sinh cần được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại đúng quy cách ngay tại công trình, sau đó được thu gom bằng hệ thống cống thu gom nước thải.

- Xây dựng 1 trạm XLNT sinh hoạt cho các khu vực dân cư tập trung, tại cửa ngõ phía Tây đô thị, cặp kênh An Túc, tổng công suất trạm xử lý nước thải 6.500 m³/ngày.đêm, nước thải sau xử lý cần đảm bảo quy chuẩn môi trường hiện hành mới được xả ra môi trường.

- Các khu vực dân cư phân tán, XLNT tại chân công trình bằng bể tự hoại đúng quy cách, nghiên cứu đầu tư bể dạng BASTAF để XLNT cho từng cụm công trình, đảm bảo yêu cầu về môi trường.

b. Nước thải công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

- Xây dựng trạm xử lý nước thải riêng cho các khu công nghiệp, TTCN.

- Nước thải công nghiệp thu gom, xử lý 100% và phải xử lý qua 2 cấp (1 tại nhà máy, 2 tại khu công nghiệp).

- Khu vực công nghiệp dự kiến xây dựng các trạm XLNT, công suất phù hợp nhu cầu sử dụng theo các giai đoạn. Vị trí trong khu công nghiệp phía Nam và phía Bắc kênh Mực Cần Dung

- Nước thải sau trạm xử lý cần đảm bảo giá trị tại cột B, bảng 1, điểm 2.2 của QCVN 40-2011/BTNMT (giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận).

c. Nước thải y tế:

Nước thải y tế phải được xử lý đạt loại B theo QCVN 28/2010/BTNMT trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung.

8.6. Định hướng quản lý chất rắn, nghĩa trang:

- Tiêu chuẩn rác thải, chất thải 0,9kg/người.ngày. Tỷ lệ thu gom 90%.
- Chất thải: Tổng lượng chất thải rắn phát sinh giai đoạn 2035, khoảng 40,77tấn/ngày.đêm. Thu gom hằng ngày đưa về bãi rác tập trung được xây dựng tại xã Vĩnh Gia và khu xử lý rác Bình Hòa.
- Nghĩa trang: mở rộng khu nghĩa trang ở Châu Lăng theo quy hoạch.
- Khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng.

8.7. Định hướng hệ thống thông tin liên lạc:

a). Nguồn cấp:

Hệ thống thông tin hữu tuyến cung cấp hệ thống cáp quang từ 1 nguồn chính từ tổng đài Bưu điện Tri Tôn theo tuyến cáp quang cấp các tuyến đường giao thông.

b). Tiêu chuẩn và nhu cầu:

- Nhu cầu sử dụng năm 2025 là : 9.744 máy
- Nhu cầu sử dụng năm 2035 là : 10.872 máy

c). Quy hoạch mạng lưới:

- Mạng cung cấp theo yêu cầu sử dụng, bố trí mạng đi ngầm và dần ngầm hóa mạng đi nổi trên trụ điện và trụ bù hiện có.
- Phát triển hệ thống 4G, 5G dần thay thế mạng hữu tuyến.

9. Đánh giá môi trường chiến lược:

9.1. Nguồn phát sinh:

a. Nguồn phát sinh bụi và khí thải trong hoạt động khai thác đá gồm:

- Khí thải từ hoạt động khoan nổ mìn, phá đá, bốc xúc và đập đá;
- Khí thải từ hoạt động của các phương tiện khai thác;
- Khí thải từ các thiết bị sử dụng dầu diesel cho công tác khai thác.

b. Nguồn phát sinh khí thải của Khu công nghiệp điện sinh khối:

Chất ô nhiễm không khí chủ yếu phát thải từ ống khói của nhà máy điện. Mỗi ống khói là một nguồn thải với hàm lượng các chất chủ yếu là bụi và chất thải SO₂.

c. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nước thải sinh hoạt.
- Nước mưa chảy tràn trên các tuyến đường chính.
- Nước thải từ hoạt động khai thác đá.
- Nước thải khu công nghiệp điện sinh khối.

d. Nguồn phát sinh chất thải rắn:

Nguồn phát sinh chất thải chủ yếu từ rác thải sinh hoạt, rác thải từ hoạt động khai thác, chất thải rắn công nghiệp (chất thải nguy hại), rác thải nông nghiệp.

e. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Do hoạt động của máy móc, thiết bị và xe vận chuyển: sự hoạt động của các thiết bị máy khoan, máy xúc, máy ủi và xe tải là nguyên nhân gây nên tiếng ồn.

- Do hoạt động nổ mìn, phá đá sẽ tạo nên tiếng ồn lớn, có thể đạt tới 160 dBA ở khoảng cách 20m tính từ điểm nổ mìn.

- Do phương tiện vận chuyển, máy nghiền sàng, chế biến đá vật liệu xây dựng.

- Do các phương tiện giao thông cơ giới: tiếng ồn chủ yếu phát sinh ở các trục giao thông chính và khu trung tâm.

- Hoạt động của các động cơ, máy phát điện, các tuabin, máy bơm, quạt và các động cơ khác trong Nhà máy điện sinh khối.

9.2. Giải pháp giảm thiểu và khắc phục các tác động môi trường:

*** Giảm thiểu tác động trong khai thác đá:**

- Hạn chế mở rộng quy mô và thời gian khai thác đá, có thể rút ngắn thời gian khai thác trước năm 2030.

- Chuyển hướng phát triển kinh tế - xã hội từ khai thác đá sang phát triển du lịch sinh thái và du lịch tâm linh.

*** Giảm thiểu tác động đối với Khu công nghiệp điện sinh khối:**

- Khu công nghiệp điện sinh khối được bố trí cặp kênh Tri Tôn tiếp giáp với dân cư hiện trạng. Bố trí dải cây xanh cách ly giữa khu công nghiệp và dân cư hiện trạng để hạn chế ô nhiễm.

- Khu công nghiệp được thiết kế hệ thống thoát nước thải riêng và khu xử lý nước thải tập trung. Khi tiến hành đầu tư các khu công nghiệp bắt buộc phải đầu tư hạng mục trạm xử lý trước khi đưa các nhà máy vào hoạt động.

*** Giảm thiểu tác động đối với các Khu dân cư:**

- Bố trí các khu công viên cây xanh chung các khu dân cư tập trung để tạo không gian sinh hoạt công cộng và tạo vi khí hậu cho khu vực.

- Tất cả các hộ dân cư đều sử dụng hố xí hợp vệ sinh (hố xí 3 ngăn, hầm biogas, bể tự hoại), loại bỏ hố xí thùng, hố xí tự thấm, nhà cầu trên ao cá tra. Nước thải cần xử lý qua bể tự hoại và ao sinh vật trước khi xả ra sông rạch.

- Trên cơ sở các công ty môi trường hiện hữu tại địa phương phát triển bộ trí nhân lực quản lý và phương tiện thu gom chất thải rắn toàn đô thị. Khuyến khích việc xã hội hoá công tác thu gom chất thải rắn.

*** Giảm thiểu tác động do chất thải rắn, nghĩa trang:**

- Các khu xử lý chất thải rắn và nghĩa trang phải được thiết kế cao độ nền phù hợp để chống ngập. Hạn chế hoặc không sử dụng công nghệ chôn lấp rác và hung táng (khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng) để tránh lan truyền ô nhiễm do ngập.

10. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện:

Cần tập trung ưu tiên cho các chương trình, dự án đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội. Ưu tiên cho các dự án có thể mạnh, động lực, tiềm năng cho phát triển kinh tế của địa phương.

10.1. Công trình hạ tầng xã hội:

- Lắp đoạn kênh Tri Tôn dài 1km xây dựng đường Hùng Vương kết hợp dân cư phát triển đô thị.

- Nhà thi đấu huyện.
- Trung tâm văn hóa TDTT huyện.
- Tạo quỹ đất Khu hành chính mới.
- Từng bước đầu tư xây dựng công an huyện tại vị trí mới.
- Cụm văn hóa, thể thao cảm giác mạnh Soài Check.

10.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật:

- Nâng cấp nhà máy nước.
- Các đường phát triển du lịch
 - + Đường nối Suối Vàng – Soài Check
 - + Đường nối Soài Check đến An Túc, Túc Dup.
 - + Đường vòng núi Nămpi
 - + Đường nối du lịch Suối Vàng đến đường tỉnh 945 và cầu qua kênh Tri Tôn.
 - + Đường tránh phía đông nối đường tỉnh 941 đến đường tỉnh 948.
 - + Đường nối từ đường Thái Quốc Hùng đến đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa kết nối đường vào hồ Soài Check.
 - + Chính trang hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư người Khomer còn tự phát (Nămpi, Tà On, Soài So).

10.3. Nguồn lực thực hiện: Ngoài nguồn vốn ngân sách, khuyến khích huy động nguồn vốn ngoài ngân sách đầu tư theo các chính sách thông thoáng nhiều ưu đãi, huy động tối đa cho đầu tư phát triển hạ tầng.

Điều 2. Quyết định phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung đô thị Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang đến năm 2035 này thay thế cho đồ án Quy hoạch chung thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang đến năm 2025 được phê duyệt theo Quyết định số 2684/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 của UBND tỉnh An Giang và phạm vi quy hoạch của hai đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn xã Châu Lăng và xã Núi Tô, huyện Tri Tôn. Các nội dung khác không thuộc phạm vi ranh giới Đồ án Quy hoạch chung đô thị Tri Tôn, huyện Tri Tôn này vẫn thực hiện theo các Quyết định đã được phê duyệt.

Điều 3. Ban hành kèm theo quyết định này là bản Quy định quản lý theo Đồ án Quy hoạch chung đô thị Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang đến năm 2035.

Điều 4. Tổ chức thực hiện:

1. Giao cho Sở Xây dựng phối hợp Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn, tổ chức công bố Đồ án Quy hoạch chung đô thị Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang đến năm 2035, để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết thực hiện.

2. Giao cho Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn, chỉ đạo việc thực hiện Đồ án Quy hoạch chung đô thị Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang đến năm 2035. Phối hợp chặt chẽ với các ban ngành thực hiện theo đúng quy hoạch và pháp luật.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch & Đầu tư, Giám đốc Sở Tài nguyên & Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Tri Tôn, Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 5;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Nung